

Bản án số: 448/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 08/5/2025

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

2. Bà Phan Thị Dòn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phước – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Phương Đại – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 140/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 239/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Ngọc Phương T**, sinh năm 1991 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: A2/54E Ấp *, xã P, huyện B, Thành phố H.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1983 (Vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: A2/54E Ấp *, xã P, huyện B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 06/02/2025, bản tự khai ngày 07/3/2025, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 17/3/2025, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 17/3/2025, nguyên đơn bà Võ Ngọc Phương T trình bày:

Bà Võ Ngọc Phương T và ông Nguyễn Minh T bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2010, có tổ chức đám cưới, do hai bên tự tìm hiểu có đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, Thành phố H. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống bình thường không xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2014 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông Nguyễn Minh T không biết san sẻ việc chăm con, việc nhà cửa nên gây áp lực cho bà Võ Ngọc Phương T rất lớn. Do đó bà Võ Ngọc Phương T đã không còn đủ sức chịu đựng nữa nên đã chuyển ra ngoài cùng con gái là Nguyễn Ngọc Nhã A. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 06/02/2025 đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, hôn nhân không thể hàn gắn và mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Võ Ngọc Phương T yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà Võ Ngọc Phương T và ông Nguyễn Minh T có 02 con chung tên là trẻ Nguyễn Ngọc Nhã A (giới tính: Nữ), sinh ngày: 28/3/2014 và trẻ Nguyễn Quốc C (giới tính: Nam), sinh ngày: 29/3/2016. Khi ly hôn, bà Võ Ngọc Phương T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Ngọc Nhã A. Bà Võ Ngọc Phương T không yêu cầu ông Nguyễn Minh T cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn Ngọc Nhã A. Bà Võ Ngọc Phương T đồng ý giao trẻ Nguyễn Quốc C cho ông Nguyễn Minh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Bà Thúy không cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn Quốc C.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Ngọc Phương T xác nhận quá trình chung sống vợ chồng bà không có tài sản chung, cũng không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T vắng mặt tại buổi hòa giải ngày 17/3/2025 không có lý do nhưng có bản tự khai đề ngày 07/3/2025 thể hiện ý kiến của mình như sau:

Ông T và bà T bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2010, có tổ chức đám cưới, do hai bên tự tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, Thành phố H. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống bình thường không xảy ra mâu thuẫn. Đến tháng 11 năm 2014 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhỏ, nguyên nhân là do ông T không biết san sẻ việc chăm con, việc nhà cửa và mẹ ông T có nói ra nói vào nên gây áp lực cho bà T. Hai vợ chồng ly thân từ tháng 02/2024 đến tháng 3/2024 và hiện tại bà T đã chuyển ra ở bên ngoài. Ông T nhận thấy còn tình cảm với bà T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông T được đoàn tụ với bà T.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông T và bà T có 02 con chung tên là trẻ Nguyễn Ngọc Nhã A (giới tính: Nữ), sinh ngày: 28/3/2014 và trẻ Nguyễn Quốc C (giới tính: Nam), sinh ngày: 29/3/2016. Nếu ly hôn thì ông T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Quốc C, sinh ngày: 29/3/2016, ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi trẻ Cường. Ông T đồng ý giao trẻ Nguyễn Ngọc Nhã A cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn Ngọc Nhã A. Tuy nhiên nguyện vọng của ông T là vợ chồng được đoàn tụ, ông T không muốn ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Võ Ngọc Phương T đối với ông Nguyễn Minh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Võ Ngọc Phương T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh T. Do ông Nguyễn Minh T hiện đang thực tế cư trú tại địa chỉ: A2/54E Ấp *, xã P, huyện B, Thành phố H nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

- Ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Minh T.

- Bà Võ Ngọc Phương T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Võ Ngọc Phương T.

[3] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 162/2010, Quyền số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, Thành phố H cấp ngày 28/12/2010 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Ngọc Phương T và ông Nguyễn Minh T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, bà Võ Ngọc Phương T trình bày: Bà T và ông Nguyễn Minh T bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2010, có tổ chức đám cưới, do hai bên tự tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, Thành phố H. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống bình thường không xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2014 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông Nguyễn Minh T không biết san sẻ việc chăm con, việc nhà cửa nên gây áp lực cho bà Võ Ngọc Phương T rất lớn. Do đó bà Võ Ngọc Phương T đã không còn đủ sức chịu đựng nữa nên đã chuyển ra ngoài cùng con gái là Nguyễn Ngọc Nhã A. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 06/02/2025 đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, hôn nhân không

thể hàn gắn và mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Võ Ngọc Phương T yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông Nguyễn Minh T đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa bà Võ Ngọc Phương T và ông Nguyễn Minh T. Ngoài bản tự khai đề ngày 07/3/2025 thì ông Nguyễn Minh T đã không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Điều đó cho thấy ông T đã không quan tâm đến tình trạng hôn nhân, không thể hiện thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, ông T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, ông T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Võ Ngọc Phương T xác định vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”

Căn cứ vào Công văn số 529/UBND ngày 18/3/2025 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố H về việc trả lời xác minh tình trạng hôn nhân của bà Võ Ngọc Phương T và ông Nguyễn Minh T có nội dung như sau: *“Trong quá trình chung sống giữa bà Võ Ngọc Phương T và ông Nguyễn Minh T, không rõ còn chung sống, không rõ có xảy ra mâu thuẫn và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn”*.

Xét thấy bà Võ Ngọc Phương T và ông Nguyễn Minh T đã có thời gian sống ly thân với nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông T cũng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn không thể hòa giải, đoàn tụ không thành. Mặc dù ông T trình bày rằng còn tình cảm với bà T và có mong muốn được đoàn tụ, nhưng bà T cho rằng cuộc sống hôn nhân khiến bà rất áp lực, bà không đủ sức chịu đựng nữa và xác định cũng không còn tình cảm với ông T. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T mâu thuẫn là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc bà Võ Ngọc Phương T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Từ các nhận định trên và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Ngọc Phương T đối với ông Nguyễn Minh T.

[3.2] *Về con chung*: Căn cứ lời khai của bà Võ Ngọc Phương T và ông Nguyễn Minh T thì quá trình chung sống bà T và ông T có 02 con chung tên là trẻ Nguyễn Ngọc Nhã A (giới tính: Nữ), sinh ngày: 28/3/2014 và trẻ Nguyễn Quốc C (giới tính: Nam), sinh ngày: 29/3/2016. Khi ly hôn các bên đương sự cùng thống nhất: Giao trẻ Nguyễn Ngọc Nhã A, sinh ngày 28/3/2014 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao trẻ Nguyễn Quốc C, sinh ngày 29/3/2016 cho ông Nguyễn Minh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy trẻ Nguyễn Ngọc Nhã A đang sống chung với bà T, bà T đã và đang chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cho trẻ Nhã A. Tại biên bản ghi nhận ý kiến trẻ ngày 07/3/2025, trẻ Nhã A mong muốn được sống chung với mẹ. Xét thấy trẻ Nguyễn Quốc C đang sống chung với ông T, ông T đã và đang chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cho trẻ C. Tại biên bản ghi nhận ý kiến trẻ ngày 07/3/2025, trẻ C mong muốn được sống chung với ba. Xét thấy nguyện vọng của trẻ và nguyện vọng của bà Võ Ngọc Phương T và ông Nguyễn Minh T về con chung là phù hợp và cũng thuận lợi nhất cho trẻ. Vì trẻ Nguyễn Ngọc Nhã A đang sống chung với mẹ và đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt; trẻ Nguyễn Quốc C đang sống chung với ba và đang chăm sóc, nuôi dưỡng tốt nên bà T và ông T đều có đủ điều kiện để chăm sóc con chung. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của trẻ về mọi mặt, Hội đồng xét xử giao trẻ Nguyễn Ngọc Nhã A, sinh ngày 28/3/2014 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao trẻ Nguyễn Quốc C, sinh ngày 29/3/2016 cho ông Nguyễn Minh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà T, ông T nên Hội đồng xét xử ghi nhận, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Nguyễn Minh T, bà Võ Ngọc Phương T cho đến khi các đương sự có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Võ Ngọc Phương T về con chung: Giao trẻ Nguyễn Ngọc Nhã A, sinh ngày 28/3/2014 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao trẻ Nguyễn Quốc C, sinh ngày 29/3/2016 cho ông Nguyễn Minh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

[3.3] *Về tài sản chung*: Bà Võ Ngọc Phương T xác định quá trình chung sống cùng ông Nguyễn Minh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung giữa bà

Võ Ngọc Phương T và ông Nguyễn Minh T. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3.4] *Về nợ chung*: Bà Võ Ngọc Phương T xác định không có nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề nợ chung giữa bà Võ Ngọc Phương T và ông Nguyễn Minh T.

[4] *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Võ Ngọc Phương T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 8, 9, 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Ngọc Phương T đối với ông Nguyễn Minh T.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Ngọc Phương T và ông Nguyễn Minh T chấm dứt. Giấy chứng nhận kết hôn số 162/2010, Quyền số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, Thành phố H cấp ngày 28/12/2010 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Ngọc Nhã A (nữ), sinh ngày 28/3/2014 cho bà Võ Ngọc Phương T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao trẻ Nguyễn Quốc C (nam), sinh ngày 29/3/2016 cho ông Nguyễn Minh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều

84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Võ Ngọc Phương T xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung giữa bà Võ Ngọc Phương T và ông Nguyễn Minh T. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về nợ chung: Bà Võ Ngọc Phương T xác định không có nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề nợ chung giữa bà Võ Ngọc Phương T và ông Nguyễn Minh T.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Võ Ngọc Phương T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/24P/0051807 ngày 19/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Võ Ngọc Phương T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Võ Ngọc Phương T và ông Nguyễn Minh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- UBND xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Huyền